

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở Việt Nam: Kết quả ban đầu và những khó khăn cần tháo gỡ

PHẠM VĂN HIỂN*

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC) là xu hướng chủ đạo, chìa khóa thành công của các nước có nền nông nghiệp phát triển, và cũng là xu hướng tất yếu cho ngành nông nghiệp Việt Nam trong thời kỳ hội nhập. Vì vậy, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp đang là vấn đề thời sự ở nước ta. Sau hơn bốn năm triển khai thực hiện “*Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020*” của Chính phủ, NNCNC ở nước ta đã đạt được một số kết quả quan trọng song cũng bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập. Vậy, kết quả đạt được và những khó khăn trong phát triển NNCNC ở nước ta là gì? đâu là nguyên nhân của thực trạng đó? Bài viết này sẽ góp phần làm sáng tỏ vấn đề nêu trên.

1. Khái quát tình hình phát triển NNCNC ở Việt Nam

Trên thế giới, phát triển NNCNC đã được thực hiện từ nhiều thập kỷ trước đây. Đặc biệt, bằng việc hình thành các khu NNCNC ở các nước như Mỹ, Anh, Nhật Bản, Hà Lan, Israel, Trung Quốc ... đã tạo ra sự bứt phá kỷ lục về năng suất, chất lượng của cây trồng, vật nuôi chẳng hạn

như: Ở Israel năng suất cà chua đạt tới 250 - 300 tấn/ha, bưởi đạt 100 - 150 tấn/ha, hoa cà rốt đạt 1,5 - 2 triệu cành/ha tạo ra giá trị sản lượng bình quân từ 120.000 - 150.000 USD/ha/năm⁽¹⁾; ở Trung Quốc, giá trị sản lượng bình quân đạt từ 40.000 - 50.000 USD/ha/năm, gấp 40 - 50 lần so với mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống. Với hiệu quả mang lại từ các mô hình trên cho thấy NNCNC đã và đang trở thành điển hình cho nền nông nghiệp tri thức của thế kỷ XXI.

Ở Việt Nam, việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp vừa là đòi hỏi bức thiết từ thực tiễn sản xuất, vừa là một trong các giải pháp quan trọng để thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Tuy nhiên, việc phát triển NNCNC ở nước ta còn mới mẻ do đó cần phải có những cơ chế, chính sách thích hợp để bảo đảm sự phát triển đúng hướng, hiệu quả và bền vững. Chính vì vậy, thời gian qua Đảng và Nhà nước ta đã quan tâm chỉ đạo phát triển NNCNC, trước hết là ở các vùng kinh tế trọng điểm, vùng có nhiều lợi thế về điều kiện tự nhiên và xã hội. Ngày 29/01/2010, Thủ tướng chính phủ đã có quyết định số 176/QĐ-TTg về việc phê

* Ths. Phạm Văn Hiến, Học viện Chính trị, Bộ Quốc Phòng

duyet Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020 với mục tiêu: Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, đạt mức tăng trưởng trên 3,5%/năm; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, thực phẩm quốc gia cả trước mắt và lâu dài ⁽²⁾. Đề án còn xác định: “Đến năm 2015, mỗi tỉnh vùng kinh tế trọng điểm xây dựng được 3 - 5 doanh nghiệp, 2 - 3 vùng sản xuất nông nghiệp; cả nước có 3 - 5 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại một số vùng sinh thái nông nghiệp;... Đến năm 2020, mỗi tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm xây dựng 7 - 10 doanh nghiệp, 5 - 7 vùng sản xuất nông nghiệp và mỗi vùng sinh thái có 1 - 3 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao” ⁽³⁾. Đề án của Chính phủ là bước khởi đầu quan trọng cho việc phát triển NNCNC trên phạm vi cả nước.

Về thực trạng NNCNC, theo đánh giá của Bộ NN & PTNT, ở nước ta hiện đã hình thành 3 loại hình sản xuất NNCNC là: các khu NNCNC, các điểm sản xuất NNCNC và các vùng sản xuất chuyên canh ứng dụng công nghệ cao. Hoạt động của các mô hình này bước đầu đã mang lại những kết quả khả quan. Cụ thể:

Đối với các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao:

Khu NNCNC do Nhà nước quy hoạch và quyết định thành lập; Nhà nước đầu tư phát triển hạ tầng cơ sở đồng bộ, quy định các loại sản phẩm được ưu tiên phát triển. Các tổ chức và cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đều có thể được đăng ký đầu tư vào khu NNCNC để phát triển sản xuất theo định hướng và được hưởng các cơ chế,

chính sách ưu đãi của nhà nước.

Tính đến thời điểm hiện nay, cả nước đã xây dựng được 29 khu NNCNC tại 12 tỉnh và thành phố. Các địa phương xây dựng khu NNCNC đầu tiên có thể kể đến là Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hậu Giang, Sơn La... Hoạt động của các khu NNCNC đã đem lại hiệu quả thiết thực và ngày càng thể hiện được ưu thế vượt trội so với lối canh tác truyền thống.

Điển hình cho mô hình này là khu NNCNC Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 88 ha được xây dựng từ năm 2004 và đi vào hoạt động từ năm 2010. Đây là khu NNCNC đầu tiên của cả nước chủ yếu cung cấp hạt giống chất lượng cao, nghiên cứu và chuyển giao các mô hình sản xuất rau an toàn cho nông dân, các hợp tác xã, các doanh nghiệp ngành nông nghiệp. Đến nay, khu NNCNC Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút được nhiều nhà khoa học vào làm việc trong các lĩnh vực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đào tạo nhân lực (3 Tiến sỹ, 24 Thạc sỹ, hơn 100 kỹ sư và cử nhân). Từ năm 2012 đến nay, đã có 14 dự án đầu tư với tổng số vốn 190 tỷ đồng; đã nhân giống được 510.380 cây lan bằng phương pháp cấy mô, ươm cây giống và chuyển giao 28.100 cây cà tím, 382.000 cây ớt giống, 42.800 cây bí giống; cung cấp cho thị trường 59,5 tấn hạt giống chất lượng cao, 8.100 tấn thành phẩm, 11.438 lít chế phẩm sinh học; thu nhập bình quân ổn định của người lao động đạt hơn 4 triệu đồng/ người/ tháng ⁽⁴⁾.

Khu NNCNC ở Đức Trọng - Lâm Đồng cũng được đánh giá là mô hình đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Với quy mô 300

ha, các sản phẩm được lựa chọn để phát triển trong khu là: nhân giống bằng công nghệ nuôi cấy mô đối với các cây trồng có giá trị kinh tế cao, giống sạch bệnh, sản xuất rau, hoa cao cấp; sản xuất nấm, dược liệu, chè an toàn chất lượng cao và chăn nuôi lợn, bò sữa theo công nghệ sạch. Năng suất cây trồng, vật nuôi tại đây cao hơn từ 7 đến 10 lần so với canh tác truyền thống, doanh thu đạt tới 2 tỷ đồng/1ha. Thu nhập bình quân của người lao động đạt 40 triệu đồng/ người/ năm ⁽⁵⁾.

Ngoài ra, các khu NNCNC thuộc các tỉnh và thành phố khác trong cả nước cũng đã và đang từng bước khẳng định ưu thế của mình như: Khu NNCNC Mộc Châu (Sơn La), khu NNCNC Lam Sơn - Sao vàng (Thanh hóa), khu NNCNC An Thái (Bình Dương)... Đây vừa là nơi sản xuất ra những sản phẩm nông nghiệp an toàn có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, đồng thời còn là trung tâm nghiên cứu, trình diễn, chuyển giao công nghệ mới cho nông dân và là đầu tàu thúc đẩy nền nông nghiệp ở các địa phương phát triển theo hướng hiện đại.

Đối với các điểm sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Đây là mô hình phát triển tương đối mạnh ở các địa phương trong cả nước và cũng mang lại hiệu quả thiết thực. Tiêu biểu cho loại hình này là: Cơ sở ứng dụng, sản xuất giống và sản xuất cây trồng chất lượng cao 16 ha tại Công ty Đầu tư và Phát triển nông nghiệp Hà Nội, Trung tâm phát triển nông lâm nghiệp công nghệ cao Hải Phòng... với hệ thống nhà kính, nhà lưới hiện đại nhập khẩu từ Israel để sản xuất rau, hoa, quả chất lượng cao; Công ty hạt giống Đông Tây (Thành phố

Hồ Chí Minh) quy mô 8 ha, tổ chức nhân dòng bố mẹ và sản xuất hạt giống F1 của các loại rau cao cấp, cà chua, ngô thực phẩm... cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu; Công ty TNHH Đà Lạt Hasfarm là mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất hoa cao cấp với quy mô 24 ha trong đó có 15 ha nhà kính và 2 ha nhà bằng thép đạt năng suất 1,8 triệu cành/ha/năm, xuất khẩu 55% (trong đó có 90% sang Nhật Bản), tiêu thụ trong nước 45 % với 26 đại lý của công ty; các doanh nghiệp khác như: Công ty TNHH Cửu Long (Đình Bảng - Bắc Ninh), Công ty TNHH Trường Giang (Bắc Hà - Lào Cai), Công ty Hòa Bình Minh (Thành phố Yên Bái)... Đặc biệt, Tập đoàn TH True Milk tại Nghĩa Đàn - Nghệ An đã thành công lớn trong mô hình nuôi bò sữa bằng công nghệ cao của Israel. Mặc dù, mới xây dựng và đưa vào hoạt động từ năm 2009, nhưng đến nay TH True Milk đã có chỗ đứng vững chắc trên thị trường với hơn 40% thị phần sữa nước. Doanh thu của tập đoàn đạt hơn 2.000 tỷ vào năm 2011, năm 2013 là 3.700 tỷ đồng ⁽⁶⁾.

Đối với vùng sản xuất chuyên canh ứng dụng công nghệ cao

Vùng sản xuất chuyên canh ứng dụng công nghệ cao là vùng do các địa phương quy hoạch, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để sản xuất một số sản phẩm hàng hóa có lợi thế cạnh tranh trên cơ sở ứng dụng công nghệ cao ở một số khâu trong quá trình sản xuất. Điển hình của loại hình này là các vùng sản xuất rau an toàn, hoa cao cấp ở Từ Liêm, Đông Anh, Hoàng Mai, Thanh Trì (Hà Nội); Mô hình trồng hoa chất lượng cao ở Mê Linh, Mô hình 100 trang trại trồng nấm ở Bình Xuyên (Vĩnh Phúc); Mô hình sản xuất rau an toàn 600

ha tại Đà Lạt được sản xuất cách ly trong nhà lưới; vùng trồng rau, hoa ở Củ Chi, Hóc Môn (Thành phố Hồ Chí Minh; Mô hình cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa xuất khẩu, mô hình nuôi cá tra sạch tại Đồng bằng sông Cửu Long...

Những mô hình NNCNC trên đây đã đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao và đang dần trở thành hướng đi chủ yếu cho nông nghiệp Việt Nam.

2. Những khó khăn, bất cập

Mặc dù đạt được một số kết quả như trên, song NNCNC ở Việt Nam còn bộc lộ nhiều hạn chế cả về quy mô, trình độ và tốc độ phát triển; mức độ đóng góp của NNCNC vào sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp chưa nhiều (cao nhất như Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì sản phẩm NNCNC cũng mới chiếm 10-15% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp). Vì vậy, tăng trưởng của ngành nông nghiệp nước ta trong những năm gần đây đang có xu hướng chậm lại (giai đoạn 1996 - 2000 là 4,01%; 2001 - 2005 là 3,83%; 2006 - 2010 là 3,03%; 2009 - 2013 chỉ còn 2,9%)⁽⁷⁾. Phần lớn nông sản của Việt Nam đang được xuất khẩu ở dạng thô, sơ chế, giá trị gia tăng rất thấp, nhiều loại nông, lâm, thủy sản chưa có thương hiệu trên thị trường quốc tế.

Từ thực trạng phát triển NNCNC ở nước ta trong thời gian qua có thể thấy một số khó khăn và bất cập sau đây:

Thứ nhất, khó khăn về vốn đầu tư

Để phát triển NNCNC cần phải có vốn đầu tư ban đầu lớn. Chẳng hạn, khu NNCNC đầu tiên ở Việt Nam nằm trên địa bàn huyện Từ Liêm (Hà Nội) đi vào hoạt động từ năm 2004 đã có tổng vốn đầu tư

ban đầu gần 20 tỷ đồng; Năm 2009, dự án nuôi bò sữa TH True Milk tại Nghĩa Đàn (Nghệ An) có tổng vốn đầu tư lên tới 1,2 tỷ USD (giai đoạn 1 đã thực hiện 350 triệu USD). Tính theo thời giá hiện nay, để xây dựng được một trang trại chăn nuôi quy mô vừa theo mô hình NNCNC cần khoảng 140 - 150 tỷ đồng (gấp từ 4 - 5 lần so với trang trại chăn nuôi truyền thống); 1 ha nhà kính hoàn chỉnh với hệ thống tưới nước, bón phân có kiểm soát tự động theo công nghệ của Israel cần ít nhất từ 10 - 15 tỷ đồng. Tính trung bình, 1 m² nhà lưới với đầy đủ các thiết bị bên trong cần phải đầu tư trên 10 triệu đồng. Ngoài những chi phí như trên, để sản xuất theo mô hình NNCNC còn phải có vốn đầu tư cho việc hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật, duy tu bảo dưỡng, xử lý môi trường, vốn đầu tư cho giống, đào tạo người lao động, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.v.v...

Những số liệu trên cho thấy, vốn đầu tư cho NNCNC là rất lớn, vượt quá khả năng ngân sách của các địa phương và doanh nghiệp. Trong khi đó, theo thống kê của Bộ NN & PTNT hiện có tới 90% doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp có vốn dưới 10 tỷ đồng. Những doanh nghiệp này mới chỉ đáp ứng được khoảng từ 5 - 10% nhu cầu vốn nếu muốn đầu tư phát triển NNCNC. Vốn vay ngân hàng cho các doanh nghiệp (gồm cả vốn ngắn hạn và dài hạn) hiện cũng chỉ đáp ứng tối đa được 50 %. Như vậy, các doanh nghiệp còn thiếu khoảng 40 % so với nhu cầu vốn cần huy động. Đây là một con số không nhỏ và là một rào cản lớn trong phát triển NNCNC ở nước ta.

Thứ hai, khó khăn về tích tụ đất đai và hạ tầng cơ sở khu vực nông thôn.

Phát triển NNCNC, ngoài vốn lớn thì cần phải có đất đai với quy mô lớn. Thực tiễn cho thấy, để sản xuất có hiệu quả với mỗi mô hình NNCNC đòi hỏi những diện tích đất khác nhau song thấp nhất cũng cần khoảng 10 ha đối với các điểm sản xuất NNCNC, khoảng 100 ha đối với các khu NNCNC. Để có được diện tích như trên ở những vị trí thuận lợi cho sản xuất và lưu thông hàng hóa là một khó khăn lớn, bởi hầu hết các vị trí đó thường được các địa phương ưu tiên cho phát triển các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị, khu vui chơi giải trí... Mặt khác, đất sản xuất nông nghiệp ở nước ta hiện nay vẫn còn rất manh mún với khoảng 70 triệu thửa đất nông nghiệp và có tới 70% chủ thể đất đai là những hộ nông dân. Vì vậy, nếu không có cơ chế, chính sách của nhà nước và sự vào cuộc của các cấp chính quyền thì việc gom những diện tích đất nhỏ lẻ, manh mún để làm cánh đồng lớn ứng dụng công nghệ cao sẽ khó có thể thực hiện được, bởi hầu hết tâm lý người nông dân đều muốn sở hữu đất đai lâu dài.

Hạ tầng cơ sở ở khu vực nông thôn nước ta những năm gần đây, nhất là từ khi triển khai xây dựng nông thôn mới đến nay đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, so với yêu cầu của sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao thì còn khoảng cách khá xa. Chẳng hạn, ở Tây Nguyên - nơi được xem là vùng phát triển mạnh về NNCNC thì tính đến thời điểm tháng 4/2014 vẫn còn hơn 3% số xã bị chia cắt về giao thông trong mùa mưa, 14% số xã chưa được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường đến trung tâm xã; còn tới 45,5% diện tích đất nông nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu nước tưới⁽⁸⁾. Tình trạng hạ tầng nông thôn kém phát triển như trên

sẽ làm gia tăng chi phí trong sản xuất và là một trở ngại lớn cho các doanh nghiệp khi muốn đầu tư phát triển NNCNC vào những địa phương này.

Thứ ba, khó khăn về nguồn nhân lực cho NNCNC

Ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất đòi hỏi phải có nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong khi đó, việc đào tạo đội ngũ chuyên gia nông nghiệp ở nước ta hiện còn nhiều bất cập. Chương trình đào tạo của các trường đại học chưa bám sát với yêu cầu thực tế của cuộc sống. Đây là một trong những lý do làm cho các chương trình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là ở các khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn như ở các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên.

Thứ tư, khó khăn về thị trường tiêu thụ sản phẩm

Tiêu thụ sản phẩm NNCNC là vấn đề cần phải đặc biệt chú ý. Bởi vì, sản xuất NNCNC sẽ tạo ra một số lượng nông sản lớn, nếu không tính toán kỹ sản phẩm làm ra không tiêu thụ được, cung vượt cầu sẽ gây ảnh hưởng kinh tế lớn. Thực tế sản xuất lúa gạo theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng công nghệ cao ở các tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long thời gian qua cho thấy, cần phải khảo sát thị trường, xây dựng phương án tiêu thụ sản phẩm trước khi thực hiện mô hình này. Mặt khác, sản phẩm của NNCNC hiện đang phải cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm nông nghiệp cùng loại được sản xuất theo phương pháp truyền thống cũng là một bất cập lớn làm giảm động lực của các doanh nghiệp NNCNC.

Những khó khăn, bất cập nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan là do NNCNC là lĩnh vực còn tương đối mới mẻ ở nước ta nên các nguồn lực bảo đảm cho nó chưa thể đáp ứng kịp. Nông dân nước ta nhiều đời nay đã quen với lối canh tác truyền thống, sản xuất nhỏ nên cũng cần phải có thời gian để thích nghi với mô hình sản xuất lớn, ứng dụng công nghệ cao. Hơn nữa, nông nghiệp hiện vẫn là lĩnh vực chứa đựng nhiều rủi ro, tốc độ thu hồi vốn chậm nên chưa tạo ra sức hút đối với các doanh nghiệp và các nhà đầu tư. Về nguyên nhân chủ quan, trước hết là do nhận thức của các cấp, các ngành, các địa phương và doanh nghiệp về NNCNC chưa thật đầy đủ nên chưa tích cực vào cuộc, còn thụ động, trông chờ vào sự đầu tư của nhà nước. Hệ thống cơ chế, chính sách mà đặc biệt là chính sách về đất đai, thuế, tín dụng cho NNCNC còn nhiều bất cập, thủ tục rườm rà đã trở thành rào cản đối với các doanh nghiệp, các nhà đầu tư vào NNCNC. Việc đào tạo nghề cho nông dân ở nước ta chưa theo kịp với đòi hỏi của thực tiễn vì vậy, đại bộ phận nông dân chưa đủ khả năng tiếp cận công nghệ mới.

Như vậy, việc tìm ra lời giải cho những khó khăn và bất cập trên đây là vấn đề cấp thiết hiện nay.

3. Một số đề xuất

Từ những khó khăn, bất cập nêu trên, để thúc đẩy NNCNC ở nước ta phát triển hơn trong thời gian tới, cần có một số giải pháp sau:

a, Về nhận thức, cần nhanh chóng thay đổi tư duy trong sản xuất nông nghiệp, nâng cao nhận thức cho các chủ thể của

nền kinh tế về NNCNC. Để làm được việc này cần phải có chiến lược truyền thông bài bản, đủ để các chủ thể của nền kinh tế nhất là nông dân và các doanh nghiệp hiểu được NNCNC thực sự là cuộc cách mạng lớn trong lĩnh vực nông nghiệp, chính quyền các cấp phải coi việc phát triển NNCNC chính là phát triển kinh tế tri thức trong nông nghiệp. Mặt khác, cần nhanh chóng đổi mới tổ chức sản xuất nông nghiệp theo hướng đề cao vai trò của doanh nghiệp. Trong mô hình sản xuất “con thuyền lớn” của NNCNC, doanh nghiệp phải thực sự trở thành người đứng mũi chịu sào, Đảng và chính quyền đứng ở “bánh lái” nhằm bảo đảm cho “con thuyền” đó đi đúng hướng.

b, Về Hành động, một là, xây dựng chương trình và quy hoạch phát triển NNCNC ở các địa phương phải sát với thực tiễn để bảo đảm tính khả thi cao, tránh phô trương hình thức, chạy theo phong trào. Muốn vậy, các địa phương cần xác định rõ thế mạnh của mình để ưu tiên phát triển các mô hình NNCNC một cách hợp lý. Mở rộng tham vấn cộng đồng nhất là đối với các chuyên gia, các nhà khoa học, các doanh nghiệp, nông dân... trong xây dựng quy hoạch và lựa chọn công nghệ phù hợp với đặc điểm về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội ở địa phương mình.

Hai là, tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách phục vụ phát triển NNCNC. Cần phải tính đến yếu tố đặc thù về vốn, quy mô đất đai, hạ tầng cơ sở, khoa học công nghệ... của NNCNC để xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách riêng biệt đáp ứng với đòi hỏi của thực tiễn. Trước mắt, Nhà nước và các địa phương cần sớm có các chính sách ưu đãi hơn về hạn điền và thời gian thuê đất,

hỗ trợ tích tụ đất đai, thuế, vốn vay, bảo hiểm rủi ro, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao để tạo sức hút ban đầu đối với các doanh nghiệp vào NNCNC.

Ba là, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đào tạo lao động chất lượng cao đáp ứng với yêu cầu của NNCNC. Song song với việc quy hoạch phát triển NNCNC, Chính phủ và các địa phương cần có chính sách đào tạo và đào tạo lại lao động ở địa phương mình, đặc biệt là ở những vùng đưa công nghệ cao vào nông nghiệp. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tự đào tạo nhân lực chất lượng cao cho doanh nghiệp mình. Đồng thời, cần giải quyết tốt lực lượng lao động dư thừa trong quá trình tham gia tích tụ ruộng đất, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ.

Bốn là, đẩy mạnh hoạt động liên kết “năm nhà” trong phát triển NNCNC

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao cần có sự liên kết chặt chẽ giữa nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà tư vấn và nhà nông, trong đó sự năng động, sáng tạo của doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm của phát triển, tạo cầu nối cho các sản phẩm nông nghiệp tiếp cận với thị trường, từ đó sẽ tạo động lực hỗ trợ người nông dân áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

Năm là, tích cực học tập kinh nghiệm quốc tế về phát triển NNCNC.

Đây là con đường ngắn nhất để phát triển NNCNC ở nước ta. Trong điều kiện hội nhập quốc tế hiện nay, để có được những công nghệ và quy trình sản xuất tiên tiến, hiện đại từ các nước có nền nông nghiệp phát triển không phải là điều khó. Tuy nhiên, chuyển giao công nghệ với trình độ như thế nào? Chuyển giao vào địa

phương nào? Để sản xuất ra những nông sản gì? Tiêu thụ ở đâu? là những câu hỏi cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng và sâu sắc trước khi triển khai vào thực tiễn.

Tóm lại: Nông nghiệp Việt Nam đang bước vào giai đoạn mới phát triển theo chiều sâu với quy mô lớn hơn. Điều đó đặt ra yêu cầu cho ngành nông nghiệp cần phải có một cuộc cách mạng lớn nhằm thay đổi hoàn toàn phương thức sản xuất cũ. Vì vậy, phát triển NNCNC là yêu cầu cấp thiết, chìa khóa để thực hiện thành công tái cơ cấu nền nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng./.

CHÚ THÍCH

1. [www. Phanbonhuuco.com.vn](http://www.Phanbonhuuco.com.vn), *Thực trạng phát triển NNCNC*.
- 2, 3. Thủ tướng chính phủ, *Quyết định số 176/QĐ-TTg, ngày 29 tháng 01 năm 2010 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020*.
4. Ban Quản lý khu NNCNC Thành phố Hồ Chí Minh, *Báo cáo tổng kết 10 năm thành lập Khu nông nghiệp công nghệ cao TP. Hồ Chí Minh (AHTP), tháng 8/2014*.
5. NguyenTanDung.org, *Lâm Đồng: Thành công trong việc ứng dụng công nghệ cao vào nông nghiệp*.
6. [www. Thmilk.vn](http://www.Thmilk.vn), *Sản xuất quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao: Chìa khoá vàng thúc đẩy nông nghiệp Việt Nam phát triển bền vững*.
7. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2013*.
8. Bộ NN & PTNT, *Báo cáo số: 1187/BC-BNN-KTHT, Rà soát, đánh giá thực trạng hạ tầng nông thôn vùng Tây Nguyên*.